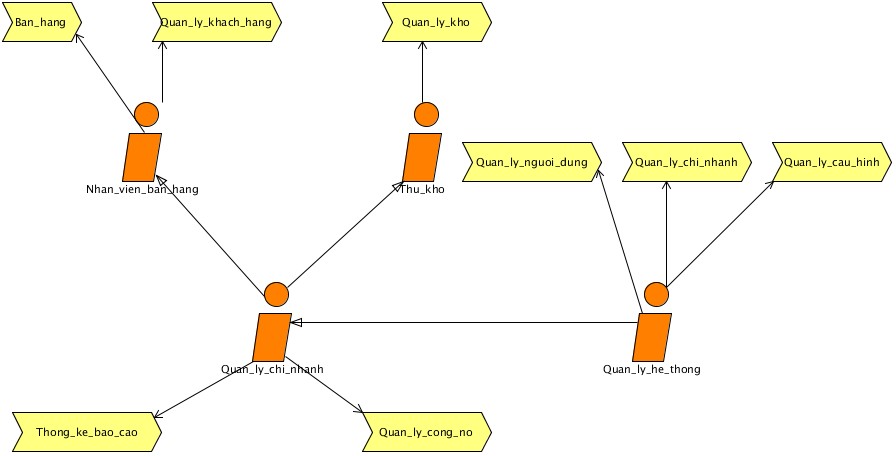
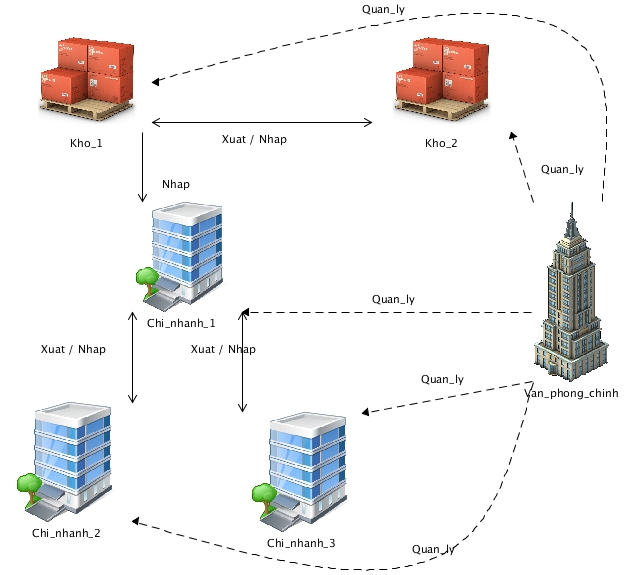
1. **TÁC NHÂN HỆ THỐNG**
2. Nhân viên bán hàng.
3. Thủ kho.
4. Quản lý chi nhánh.
5. Quản lý hệ thống.

Trong đó với các nhiệm vụ như sơ đồ sau :



1. **MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG**

****

***Diễn giải:***

* Văn phòng chính nắm quyền quản lý ở phạm vi toàn cục, có khả năng can thiệp vào hệ thống chi nhánh, có quyền khởi tạo chi nhánh, phân quyền nhân viên, các cấu hình, …. Đây là vùng hoạt động của tác nhân “Quản lý hệ thống”.
* Các chi nhánh tự quản lý lấy các thông tin về kinh doanh, giá cả các sản phẩm của chính chi nhánh mình, có quyền nhập, xuất sản phẩm từ bất cứ nguồn nào sao cho các sản phẩm nằm trong khung danh sách sản phẩm của hệ thống. Đây là vùng hoạt động của các tác nhân : “Nhân viên bán hàng”,”Thủ kho”, Quản lý chi nhánh”.

1. **USE CASE**
2. **Nhân viên bán hàng**
3. ***Use case Lập hóa đơn bán hàng:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác nhân** | Nhân viên bán hàng, Quản lý chi nhánh |
| **Tóm tắt** | Sau khi người mua chọn được những sản phẩm phù hợp với nhu cầu của họ thì sẽ thanh toán tiền. Nhân viên có nhiệm vụ lấy thông tin về những sản phẩm mà người mua đã chọn để lập hóa đơn thanh toán. |
| **Điều kiện tiên quyết** | Người sử dụng phải đăng nhập và xác thực để thực hiện thao tác. |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Nhập thông tin mã sản phẩm. 2. Kiểm tra thông tin mã sản phẩm hợp lệ. Nếu có tồn tại trên hệ thống. 3. Kiểm tra tồn sản phẩm. Nếu sản phẩm còn tồn trong kho và tồn thỏa định mức.    1. Đưa sản phẩm vào giỏ hàng. 4. Nhập thông tin khách hàng Nếu thông tin khách hàng tìm thấy    1. Đưa thông tin khách hàng vào hóa đơn. 5. Kiểm tra các tổng tiền hóa đơn.    1. Nếu đạt định mức và loại thông tin khách hàng là khách hàng thân thiết.       1. Cộng điểm vào khách hàng.    2. Tính toán chiết khấu. 6. Nhập số lượng tặng. 7. Lưu hóa đơn vào hệ thống, 8. In hóa đơn. |
| **Dòng sự kiện phụ** | Bước 2: Kiểm tra thông tin thất bại thông tin không tồn tại.  Xuất thông báo yêu cầu đổi sang sản phẩm khác, quay lại bước 1.  Bước 3: Kiểm tra tồn không thỏa định mức.  Xuất thông báo yêu cầu đổi sang sản phẩm khác, quay lại bước 1.  Xử lý hết sản phẩm.  Bước 4: Nếu thông tìm thấy thông tin khách hàng thì có thể cho khách hàng đăng ký thông tin.  Xuất hiện giao diện đăng ký thông tin khách hàng. Thông tin đăng ký sẽ được dùng để thể hiện trên hóa đơn thanh toán. |
| **Điều kiện kết thúc** | 1. Thành công   Thông tin được lưu vào trong hệ thống, hóa đơn được in.   1. Thất bại   Thông tin được hủy bỏ. |
| **Điều kiện đặc biệt** | Không có. |
| **Điểm mở rộng** | Không có. |

1. ***Use case Lập hóa đơn trả:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác nhân** | Nhân viên bán hàng, Quản lý chi nhánh |
| **Tóm tắt** | Khi khách hàng có yêu cầu trả lại hàng hóa. Người bán hàng có thể lấy lại sản phẩm đồng thời tạo ra hóa đơn trả hàng. |
| **Điều kiện tiên quyết** | Người sử dụng phải đăng nhập và xác thực để thực hiện thao tác. |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Tìm kiếm trong dữ liệu có tồn tại số hóa đơn. Nếu tồn tại. 2. Chọn lựa trả hàng.   2.1 Nhập lý do trả hàng.  2.2 Cập nhật lại sản phẩm trong kho.  2.3 Cập nhật lại trạng thái hóa đơn.   1. In lại hóa đơn. Use case thành công. |
| **Dòng sự kiện phụ** | Bước 1: Nếu hóa đơn không tồn tại trên hệ thống.  Xuất hóa đơn không tồn tại trên hệ thống. Yêu cầu khách hàng kiểm tra lại địa chỉ mua hàng. Use case thất bại. |
| **Điều kiện kết thúc** | 1. Thành công   Thông tin được lưu vào trong hệ thống, hóa đơn được in.   1. Thất bại   Thông tin được hủy bỏ. |
| **Điều kiện đặc biệt** | Không có. |
| **Điểm mở rộng** | Không có. |

1. ***Use case Quản lý bán hàng:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác nhân** | Nhân viên bán hàng, Quản lý chi nhánh |
| **Tóm tắt** | Use case mô tả việc thao tác nghiệp vụ bán hàng của nhân viên bán hàng. |
| **Điều kiện tiên quyết** | Người sử dụng phải đăng nhập và xác thực để thực hiện thao tác. |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Xuất hiện giao diện quản lý bán hàng. 2. Nếu chọn Lập hóa đơn bán hàng.   2.1 Xuất hiện giao diện lập hóa đơn bán hàng.   1. Nếu chọn Quản lý hóa đơn trả.   3.1 Xuất giao diện quản lý hóa đơn trả.   1. Nếu chọn xuất kết quả kiểm kê hàng hóa.    1. Trích lọc kết quả hàng hóa bán được của nhân viên từ ngày hiện hành đến cuối tháng.    2. Xuất kết quả thành tập tin văn bản. 2. Nếu chọn xuất doanh số   5.1 Trích lọc doanh số theo từng đơn hàng từ ngày hiện hành đến cuối tháng.  5.1 Xuất kết quả thành tập tin văn bản.   1. Nếu nhập thông tin tìm kiếm hóa đơn.Nếu tìm thấy hóa đơn thỏa yêu cầu.   6.1 Hiển thị danh sách hóa đơn thỏa yêu cầu. |
| **Dòng sự kiện phụ** | Bước 6.1 : Nếu hóa đơn không tìm thấy.  Xuất hiện thông báo hóa đơn không tồn tại trong hệ thống.  Quay lại bước 6. |
| **Điều kiện kết thúc** | Không có. |
| **Điều kiện đặc biệt** | Không có. |
| **Điểm mở rộng** | 1. Lập hóa đơn bán hàng. 2. Quản lý hóa đơn trả. 3. Tìm kiếm hóa đơn. 4. Xuất doanh số. 5. Xuất kiểm kê hàng hóa. |

1. ***Use case Quản lý khách hàng:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác nhân** | Nhân viên bán hàng, Quản lý chi nhánh |
| **Tóm tắt** | Use case mô tả việc thao tác với dữ liệu khách hàng của nhân viên bán hàng. |
| **Điều kiện tiên quyết** | Người sử dụng phải đăng nhập và xác thực để thực hiện thao tác. |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Xuất hiện giao diện Quản lý khách hàng. 2. Nếu chọn thêm khách hàng mới.   2.1 Xuất hiện giao diện để thêm khách hàng.   1. Nếu chọn một khách hàng trong danh sách và chọn sửa đổi.   3.1 Xuất hiện giao diện cho phép người dùng sửa đổi thông tin cá nhân của khách hàng.   1. Nếu nhập thông tin tìm kiếm khách hàng. Nếu tìm thấy   4.1 Trình bày thông tin các khách hàng có kết quả tìm kiếm.   1. Nếu chọn xuất khách hàng.   5.1 Xuất thông tin chi tiết khách hàng trong danh sách ra tập tin văn bản. |
| **Dòng sự kiện phụ** | Bước 4.1: Nếu không tìm thấy khách hàng  Xuất hiện thông báo tìm kiếm thất bại.  Điều chỉnh từ khóa tìm kiếm.  Quay lại bước 4. |
| **Điều kiện kết thúc** | Không có. |
| **Điều kiện đặc biệt** | Không có. |
| **Điểm mở rộng** | 1. Tìm kiếm khách hàng. 2. Thêm khách hàng. 3. Xuất danh sách khách hàng. |

1. **Thủ kho**
2. ***Use case Quản lý kho:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác nhân** | Thủ kho, Quản lý chi nhánh. |
| **Tóm tắt** | Use case mô tả các thao tác nghiệp vụ với các hoạt động trong kho. |
| **Điều kiện tiên quyết** | Người sử dụng phải đăng nhập và xác thực để thực hiện thao tác. |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Xuất hiện giao diện quản lý kho. 2. Nếu chọn quản lý sản phẩm.   2.1 Xuất hiện giao diện quản lý sản phẩm.   1. Nếu chọn quản lý nhà cung cấp.   3.1 Xuất hiện giao diện quản lý nhà cung cấp.   1. Nếu chọn quản lý loại sản phẩm.   4.1 Xuất hiện giao diện quản lý loại sản phẩm.   1. Nếu chọn quản lý hàng tặng.   5.1 Xuất hiện giao diện quản lý hàng tặng.   1. Nếu chọn quản lý hàng khuyến mãi.   6.1 Xuất hiện giao diện quản lý hàng khuyến mãi. |
| **Dòng sự kiện phụ** |  |
| **Điều kiện kết thúc** | Không có. |
| **Điều kiện đặc biệt** | Không có. |
| **Điểm mở rộng** | 1. Quản lý nhà cung cấp. 2. Quản lý loại sản phẩm. 3. Quản lý hàng tặng. 4. Quản lý sản phẩm. 5. Quản lý hàng khuyến mãi. |

1. ***Use case Quản lý sản phẩm bán:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác nhân** | Thủ kho, Quản lý chi nhánh. |
| **Tóm tắt** | Use case mô tả các thao tác nghiệp vụ với sản phẩm bán. |
| **Điều kiện tiên quyết** | Người sử dụng phải đăng nhập và xác thực để thực hiện thao tác. |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Xuất hiện giao diện quản lý sản phẩm. 2. Nếu chọn kiểm kê sản phẩm.    1. Nhập thông tin mã sản phẩm. Nếu tìm thấy.    2. Thông báo thông tin sản phẩm, số lượng tồn.    3. Xuất thông tin kiểm kê thành tập tin văn bản. 3. Nếu chọn xuất danh sách các sản phẩm.    1. Trích lọc sản phẩm tồn trong kho. thành tập tin văn bản.    2. Xuất kết quả ra tập tin văn bản. 4. Nếu chọn nhập kho hàng bán.   4.1 Xuất hiện giao diện nhập kho hàng.   1. Nếu chọn xuất kho hàng.    1. Xuất hiện giao diện xuất kho. 2. Nhập thông tin tìm kiếm sản phẩm.Nếu tìm thấy.    1. Xuất thông tin của sản phẩm. 3. Nếu chọn thêm sản phẩm.    1. Xuất hiện giao diện thêm sản phẩm. 4. Nếu nhập thông tin tìm kiếm sản phẩm.    1. Nhập thông tin tìm kiếm.    2. Tìm kiếm trong kho hàng của chi nhánh.    3. Xuất kết quả tìm kiếm. |
| **Dòng sự kiện phụ** | Bước 6.1: Nếu không tìm thấy sản phẩm  Xuất hiện thông báo tìm kiếm thất bại.  Điều chỉnh từ khóa tìm kiếm.  Quay lại bước 6. |
| **Điều kiện kết thúc** | Không có. |
| **Điều kiện đặc biệt** | Không có. |
| **Điểm mở rộng** | 1. Kiểm kê sản phẩm. 2. Xuất danh sách sản phẩm. 3. Nhập kho. 4. Xuất kho. 5. Thêm sản phẩm. 6. Tìm kiếm sản phẩm bán. |

1. ***Use case thêm sản phẩm bán:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác nhân** | Thủ kho, Quản lý chi nhánh. |
| **Tóm tắt** | Use case mô tả các quá trình thêm 1 sản phẩm vào danh sách các sản phẩm trong chi nhánh. |
| **Điều kiện tiên quyết** | Người sử dụng phải đăng nhập và xác thực để thực hiện thao tác.  Thông tin hàng hóa phải tồn tại trong danh sách sản phẩm của hệ thống. |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Nhập thông tin sản phẩm.    1. Nhập thông tin mã sản phẩm.    2. Nhập thông tin loại sản phẩm.    3. Nhập thông tin nhà cung cấp.    4. Nhập thông tin chi tiết sản phẩm. 2. Nhập thông tin về các mốc giá của sản phẩm theo thời gian. |
| **Dòng sự kiện phụ** | Bước 1.1:   * Nếu mã sản phẩm trùng với mã đã có trong danh sách các sản phẩm trong chi nhánh.   Xuất thông báo sản phẩm đã tồn tại trong chi nhánh.  Use case thất bại   * Nếu mã sản phẩm không tồn tại trong hệ thống.   Xuất thông tin sản phẩm chưa tồn tại trong hệ thống.  Quay lại 1 |
| **Điều kiện kết thúc** | 1. Thành công.   Sản phẩm mới được lưu vào danh sách sản phẩm của chi nhánh.   1. Thất bại.   Các thông tin bị hủy bỏ. |
| **Điều kiện đặc biệt** | Không có. |
| **Điểm mở rộng** | Không có. |

1. ***Use case Nhập kho sản phẩm bán:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác nhân** | Thủ kho, Quản lý chi nhánh. |
| **Tóm tắt** | Use case mô tả các quá trình nhập kho từ chi nhánh. |
| **Điều kiện tiên quyết** | Người sử dụng phải đăng nhập và xác thực để thực hiện thao tác.  Kho hoặc chi nhánh nhập tồn tại trên hệ thống. |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Nhập thông tin của kho hoặc chi nhánh xuất. 2. Chọn nhập vào hình thức sản phẩm bán, sản phẩm khuyến mãi. Nếu chọn sản phẩm khuyến mãi.    1. Nhập thêm thông tin về % chiết khấu. 3. Ghi chú thông tin nhập hàng. 4. Nhập thông tin sản phẩm nhập.    1. Nhập mã sản phẩm.    2. Nhập số lượng nhập. 5. Thêm vào chi tiết của hóa đơn nhập kho. 6. Cập nhật số lượng sản phẩm và lưu hóa đơn. 7. In hóa đơn nhập. Use case thành công. |
| **Dòng sự kiện phụ** | Bước 1: Nếu kho chưa tồn tại trong hệ thống hoặc không hiển thị.  Yêu cầu quản lý hệ thống điều chỉnh để thêm kho, chi nhánh. Use case thất bại.  Bước 2.1 Nếu không nhập chiết khấu.  Xuất thông báo yêu cầu người dùng nhập thông tin chiết khấu.  Quay lại 2.  Bước 4.1: Nếu mã sản phẩm không tồn tại trên hệ thống.  Xuất thông báo mã không tồn tại yêu cầu người dùng nhập lại.  Quay lai 4.  Bước 4.2: Nếu số lượng sản phẩm nhỏ hơn hoặc bằng 0 (<=0).  Xuất thông báo số lượng không hợp lệ yêu cầu người dùng nhập lại.  Quay lai 4.2. |
| **Điều kiện kết thúc** | 1. Thành công.   Hóa đơn nhập được lưu và in ra.   1. Thất bại.   Các thông tin bị hủy bỏ. |
| **Điều kiện đặc biệt** | Không có. |
| **Điểm mở rộng** | Không có. |

1. ***Use case Xuất kho sản phẩm bán:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác nhân** | Thủ kho, Quản lý chi nhánh. |
| **Tóm tắt** | Use case mô tả các quá trình xuất kho từ chi nhánh. |
| **Điều kiện tiên quyết** | Người sử dụng phải đăng nhập và xác thực để thực hiện thao tác.  Kho hoặc chi nhánh xuất tồn tại trên hệ thống. |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Nhập thông tin kho hoặc chi nhánh cần xuất. 2. Nhập thông tin sản phẩm xuất là sản phẩm bán hay sản phẩm khuyến mãi.   Nếu chọn sản phẩm khuyến mãi.   * 1. Nhập thêm thông tin về % chiết khấu.  1. Nhập thông tin lý do xuất. 2. Nhập thông tin về hợp đồng xuất, ngày hết hạn hợp đồng. 3. Nhập thông tin sản phẩm xuất.    1. Nhập mã sản phẩm.    2. Nhập số lượng xuất.    3. Use case : Kiểm tra tồn kho. 4. Thêm vào chi tiết của hóa đơn xuất kho. 5. Cập nhật số lượng sản phẩm và lưu hóa đơn. 6. In hóa đơn xuất. Use case thành công. |
| **Dòng sự kiện phụ** | Bước 1: Nếu kho chưa tồn tại trong hệ thống hoặc không hiển thị.  Yêu cầu quản lý hệ thống điều chỉnh để thêm kho. Use case thất bại.  Bước 2.1 Nếu không nhập chiết khấu.  Xuất thông báo yêu cầu người dùng nhập thông tin chiết khấu.  Quay lại 2.  Bước 3: Nếu không nhập lý do xuất.  Xuất thông báo phải nhập lý do xuất.  Quay lại 3.  Bước 4: Nếu không nhập thông tin hợp đồng xuất.  Xuất thông báo yêu cầu nhập hợp đồng xuất.  Quay lại 4.  Bước 5.1: Nếu mã sản phẩm không tồn tại trên hệ thống.  Xuất thông báo mã không tồn tại yêu cầu người dùng nhập lại.  Quay lai 5.  Bước 5.2: Nếu số lượng sản phẩm nhỏ hơn hoặc bằng 0 (<=0).  Xuất thông báo số lượng không hợp lệ yêu cầu người dùng nhập lại.  Quay lại 5.2.  Nếu số lượng xuất > tồn kho.  Use case : |
| **Điều kiện kết thúc** | 1. Thành công.   Hóa đơn nhập được lưu và in ra.   1. Thất bại.   Các thông tin bị hủy bỏ. |
| **Điều kiện đặc biệt** | Không có. |
| **Điểm mở rộng** | Không có. |

1. ***Use case Quản lý sản phẩm tặng:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác nhân** | Thủ kho, Quản lý chi nhánh. |
| **Tóm tắt** | Use case mô tả các thao tác nghiệp vụ kho hàng tặng. |
| **Điều kiện tiên quyết** | Người sử dụng phải đăng nhập và xác thực để thực hiện thao tác. |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Xuất hiện giao diện quản lý sản phẩm tặng. 2. Nếu chọn thêm hàng tặng.    1. Xuất hiện giao diện thêm hàng tặng. 3. Nếu chọn nhập kho hàng tặng.    1. Xuất hiện giao diện nhập kho hàng tặng. 4. Nếu chọn xuất kho hàng tặng.    1. Xuất hiện giao diện xuất kho hàng tặng. 5. Xuất danh sách hàng tặng.    1. Trích lọc danh sách hàng tặng.    2. Xuất kết quả ra tập tin văn bản. 6. Xuất mã hàng tặng.    1. Xuất hiện giao diện xuất mã hàng tặng (dạng barcode để đọc bằng máy). 7. Nếu nhập thông tin tìm kiếm hàng tặng.    1. Nhập mã hàng tặng hoặc tên hàng tặng.    2. Tìm kiếm trong kho hàng tặng của chi nhánh.    3. Xuất kết quả tìm kiếm. |
| **Dòng sự kiện phụ** | Bước 7.1: Nếu không tìm thấy sản phẩm  Xuất hiện thông báo tìm kiếm thất bại.  Điều chỉnh từ khóa tìm kiếm.  Quay lại bước 7. |
| **Điều kiện kết thúc** | Không có. |
| **Điều kiện đặc biệt** | Không có. |
| **Điểm mở rộng** | 1. Thêm hàng tặng. 2. Nhập kho hàng tặng. 3. Xuất kho hàng tặng. 4. Xuất danh sách hàng tặng. 5. Tìm kiếm sản phẩm tặng. |

1. ***Use case Thêm sản phẩm tặng:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác nhân** | Thủ kho, Quản lý chi nhánh. |
| **Tóm tắt** | Use case mô tả các thao tác nhập hàng kho hàng tặng. |
| **Điều kiện tiên quyết** | Người sử dụng phải đăng nhập và xác thực để thực hiện thao tác. |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Nhập tên sản phẩm. 2. Nhập định mức giá để được tặng hàng. 3. Nhập thời gian áp dụng hàng tặng. 4. Tùy chọn áp dụng hàng tặng hay không. 5. Lưu thông tin. Use case thành công. |
| **Dòng sự kiện phụ** | Bước 1: Nếu không nhập tên sản phẩm.  Xuất yêu cầu nhập tên sản phẩm.  Quay lại 1.  Bước 2: Nếu không nhập định mức giá sản phẩm.  Xuất yêu cầu nhập định mức giá sản phẩm.  Quay lại 2. |
| **Điều kiện kết thúc** | 1. Thành công.   Thông tin hàng tặng mới được lưu. |
| **Điều kiện đặc biệt** | Không có. |
| **Điểm mở rộng** | Không có. |

1. ***Use case Nhập kho sản phẩm tặng:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác nhân** | Thủ kho, Quản lý chi nhánh. |
| **Tóm tắt** | Use case mô tả các quá trình nhập kho hàng tặng từ chi nhánh. |
| **Điều kiện tiên quyết** | Người sử dụng phải đăng nhập và xác thực để thực hiện thao tác.  Kho hoặc chi nhánh nhập tồn tại trên hệ thống. |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Nhập thông tin của kho hoặc chi nhánh xuất. 2. Nhập thông tin sản phẩm nhập.    1. Nhập mã sản phẩm.    2. Nhập số lượng nhập.    3. Nhập giá được tặng. 3. Thêm vào chi tiết của hóa đơn nhập kho hàng tặng. 4. Cập nhật số lượng sản phẩm và lưu hóa đơn. 5. In hóa đơn nhập. Use case thành công. |
| **Dòng sự kiện phụ** | Bước 1 : Nếu không có chi nhánh xuất.  Xuất thông báo chưa có nhánh xuất . Use case thất bại.  Bước 2.1 Nếu mã sản phẩm nhập không tìm thấy.  Xuất thông tin hàng tặng này chưa tồn tại trong kho hàng tặng của chi nhánh. Nhập lại mã hàng tặng hoặc thêm mới hàng tặng vào chi nhánh. |
| **Điều kiện kết thúc** | 1. Thành công.   Hóa đơn nhập được lưu và in ra.   1. Thất bại.   Các thông tin bị hủy bỏ. |
| **Điều kiện đặc biệt** | Không có. |
| **Điểm mở rộng** | Không có. |

1. ***Use case Xuất kho sản phẩm tặng:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác nhân** | Thủ kho, Quản lý chi nhánh. |
| **Tóm tắt** | Use case mô tả các quá trình xuất kho hàng tặng từ chi nhánh. |
| **Điều kiện tiên quyết** | Người sử dụng phải đăng nhập và xác thực để thực hiện thao tác.  Kho hoặc chi nhánh nhập tồn tại trên hệ thống. |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Nhập thông tin của kho hoặc chi nhánh nhập. 2. Nhập thông tin sản phẩm xuất.    1. Nhập mã sản phẩm.    2. Nhập số lượng xuất.    3. Nhập giá được tặng.    4. Chọn loại sản phẩm được xuất là hàng bán, khuyến mãi, hay hàng tặng. 3. Thêm vào chi tiết của hóa đơn nhập kho hàng tặng. 4. Cập nhật số lượng sản phẩm và lưu hóa đơn. 5. In hóa đơn xuất. Use case thành công. |
| **Dòng sự kiện phụ** | Bước 1 : Nếu không có chi nhánh xuất.  Xuất thông báo chưa có nhánh xuất . Use case thất bại.  Bước 2.1 Nếu mã sản phẩm nhập không tìm thấy.  Xuất thông tin hàng tặng này chưa tồn tại trong kho hàng của chi nhánh (kho hàng bán và kho hàng tặng). |
| **Điều kiện kết thúc** | 1. Thành công.   Hóa đơn nhập được lưu và in ra.   1. Thất bại.   Các thông tin bị hủy bỏ. |
| **Điều kiện đặc biệt** | Không có. |
| **Điểm mở rộng** | Không có. |

1. ***Use case Quản lý nhà cung cấp:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác nhân** | Thủ kho, Quản lý chi nhánh. |
| **Tóm tắt** | Use case mô tả các thao tác với dữ liệu nhà cung cấp. |
| **Điều kiện tiên quyết** | Người sử dụng phải đăng nhập và xác thực để thực hiện thao tác.  Kho hoặc chi nhánh nhập tồn tại trên hệ thống. |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Nếu chọn thêm nhà cung cấp.   Xuất giao diện thêm nhà cung cấp.   1. Nếu chọn xuất danh sách nhà cung cấp.    1. Trích xuất danh sách nhà cung cấp.    2. Xuất kết quả ra thành tập tin văn bản. 2. Nếu nhập thông tin tìm kiếm nhà cung cấp.    1. Nhập thông tin tìm kiếm.    2. Tìm kiếm trong danh sách nhà cung cấp.    3. Xuất kết quả tìm kiếm. |
| **Dòng sự kiện phụ** | Bước 3.1 Nếu không tìm thấy nhà cung cấp.  Xuất thông tin nhà cung cấp không tồn tại.  Quay lại 3. |
| **Điều kiện kết thúc** | Không có. |
| **Điều kiện đặc biệt** | Không có. |
| **Điểm mở rộng** | 1. Thêm nhà cung cấp. 2. Xuất danh sách nhà cung cấp. 3. Tìm kiếm nhà cung cấp. |